TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số:212/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2019
V/v: Ly hôn giữa
Chị M và anh L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Thùy

Ông Trần Đình Phấn

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Xuân– Thư ký TAND huyện Xuân Trường.

- Đại diện VKSND huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXX ST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị M, sinh năm 1989

Địa chỉ: xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Đỗ Viết L, sinh năm 1982

Địa chỉ: xóm 1, xã X, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định..

(Tại phiên tòa anh L có mặt chị M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2019 được bổ sung tại bản khai ngày 13 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Cao thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đỗ Viết L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 10/3/2010. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống và bất đồng về kinh tế. Anh đi làm có tiền

nhưng không đưa cho chị. Đầu năm 2016 anh L thường xuyên rượu bia say xỉn gây gổ với mọi người xung quang, mặt khác anh L không có khả năng sinh con . Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh L.

Về con chung: anh chị không có con chung

Về tài sản, công nợ: chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Chị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt chị.

Bị đơn là anh Đỗ Viết L có bản khai, tại phiên hòa giải và phiên tòa xác nhận anh và chị M kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã X ngày 10/3/2010. Vợ chồng chung sống hạnh bình thường. Chị M khai anh không đưa tiền cho chị là không đúng, chỉ mấy tháng nay là anh không đưa tiền cho chị thôi. Cuối năm 2018 đến nay vợ chồng cãi nhau vì chị không tôn trọng anh, chị đi Đà Nẵng chơi mấy ngày không nói gì với anh. Anh là đàn ông đôi khi cũng có bia rượu với bạn bè chứ không gây gổ, say xỉn như chị khai, anh chị chưa có con do anh máu nóng chứ không phải anh yếu sinh lý. Chị M xin ly hôn anh không đồng ý và mong chị suy nghĩ lại về đoàn tụ gia đình. Về con chung anh chị chưa có. Về tài sản anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến là trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định tố tụng dân sự. Căn cứ điều 56Luật HNGĐ đề nghị giải quyết cho chị M ly hôn anh L. Án phí chị M nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị M vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Chị M và anh L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới anh chị phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do tính cách và lối sống, bất đồng về kinh tế tiền bạc. Anh chị đã 10 năm nay không có con chung cũng là nguyên nhân chính của mâu thuẫn vợ chồng. Chị xin ly hôn, anh không nhất trí. Xét thấy cuộc hôn nhân không thể duy trì vì chị kiên quyết ly hôn, anh muốn đoàn tụ nhưng cũng không có giải pháp nào để chị đoàn tụ, do đó chấp nhận để chị M ly hôn anh L.

[3]. Về con chung: anh chị không có con chung nên không xem xét

[4]. Về tài sản, công nợ đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: chị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Cao Thị M và anh Đỗ Viết L.

2. Về án phí: chị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường theo biên lai thu tiền số: 0001593 ngày 08 tháng 8 năm 2019.

Anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.Chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Lưu HS + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh